

Số: 09/TC-STP

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 9 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh,
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Tuyên Quang ban hành trong tháng 08 năm 2026**

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “*Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân*”, Sở Tư pháp ban hành Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 08 năm 2026, như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 08 năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành **14** văn bản quy phạm pháp luật (gồm: 03 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 10 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; 01 Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), cụ thể:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Nghị quyết số 60/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 Quy định nội dung, phương án lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Nghị quyết số 61/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(3) Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 Quy định nội dung, mức chi tổ chức Giải thưởng báo chí tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Quyết định số 106/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2026 Phân cấp thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động có nơi ở hiện tại tại tỉnh Tuyên Quang.

(2) Quyết định số 107/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 Quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

(4) Quyết định số 109/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới, tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, tiêu chí thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030

(5) Quyết định số 110/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 Quy định hỗ trợ đối với người dân phải di dời khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(6) Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 Quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(7) Quyết định số 112/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2026 Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(8) Quyết định số 113/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2026 Quy định việc bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư; việc bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi; biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(9) Quyết định số 114/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 Phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(10) Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2026 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

Quyết định số 10/2026/QĐ-CTUBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong tháng 08 năm 2026 chi tiết tại Phụ lục kèm theo Thông cáo báo chí này.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 08 năm 2026, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục PBGDPL&TGPL, Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (Báo cáo);
- MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các ban, sở, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN;
- Báo và PTTH Tuyên Quang;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Sở TP (đăng tải);
- Phòng PBGDPL;
- Lưu: VT, XDKTVB&THPL.(TTLan).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Lâm

PHỤ LỤC

**Hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu
của các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh,
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
ban hành trong tháng 8 năm 2026**
(kèm theo Thông cáo báo chí số 09/TC-STP ngày 02/9/2026 của Sở Tư pháp)

I. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

1. Nghị quyết số 60/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 Quy định nội dung, phương án lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 60/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2026

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 60/2026/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia¹; đồng thời, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 60/2026/NQ-HĐND quy định nội dung, phương án lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, gồm 06 Điều, cụ thể như sau:

- (1) Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- (2) Điều 2:** Nguồn vốn lồng ghép.
- (3) Điều 3:** Nội dung lồng ghép nguồn vốn.
- (4) Điều 4:** Phương án lồng ghép nguồn vốn.
- (5) Điều 5:** Tổ chức thực hiện.
- (6) Điều 6:** Điều khoản thi hành.

¹Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 13. Lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
...2. Nội dung, phương án lồng ghép giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”.

2. Nghị quyết số 61/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 61/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 61/2026/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia² và khoản 4 Điều 8 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035³; đồng thời, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 61/2026/NQ-HĐND quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh, gồm 06 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Nguyên tắc phân bổ.

(3) Điều 3: Tiêu chí, hệ số, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương.

(4) Điều 4: Nguyên tắc bố trí, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương.

²Điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 56. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

...c) *Bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương”.*

³ Khoản 4 Điều 8 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg quy định:

“Điều 8. Tổ chức thực hiện

... 4. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Căn cứ theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình tại Quyết định này và điều kiện thực tế, ...; các địa phương xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã; quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình”.

(5) Điều 5: Tổ chức thực hiện.

(6) Điều 6: Điều khoản thi hành.

3. Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 Quy định nội dung, mức chi tổ chức Giải thưởng báo chí tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 9 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND để thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 3, điểm b khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15⁴ và điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15⁵. Đồng thời, nhằm động viên, cổ vũ phong trào thi đua lao động sáng tạo của những người làm báo và phát hiện, bồi dưỡng những tài năng báo chí trong và ngoài tỉnh; ghi nhận và tôn vinh những đóng góp xuất sắc của các tập thể, cá nhân trong xây dựng và phát triển sự nghiệp báo chí của tỉnh; là nguồn lực để tuyển chọn các tác phẩm xuất sắc dự thi Giải Báo chí Quốc gia.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 62/2026/NQ-HĐND quy định nội dung, mức chi tổ chức Giải thưởng báo chí tỉnh, gồm 05 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Nội dung chi.

(3) Điều 3: Mức chi.

(4) Điều 4: Nguồn kinh phí.

(5) Điều 5: Điều khoản thi hành.

⁴ Điểm c khoản 3, điểm b khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh:

“3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, tài chính, ngân sách, đầu tư và thực hiện liên kết vùng:

...c) Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

...7. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

b) Quyết định chính sách, biện pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa tại địa phương; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao tại địa phương theo quy định của pháp luật”.

⁵ Điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, quy định:

“9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

.... l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;”.

II. QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Quyết định số 106/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2026 Phân cấp thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động có nơi ở hiện tại tại tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 106/2026/QĐ-UBND có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định số 106/2026/QĐ-UBND để thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15⁶ và Điều 4 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm⁷; nhằm tăng cường phân cấp, tạo sự chủ động cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động có nơi ở hiện tại tại địa phương.

c) Nội dung chủ yếu

Quyết định số 106/2026/QĐ-UBND quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động có nơi ở hiện tại tại tỉnh Tuyên Quang, gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Nội dung phân cấp.

Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động có nơi ở hiện tại tại địa phương theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

(3) Điều 3: Tổ chức thực hiện.

(4) Điều 4: Điều khoản thi hành.

⁶ Khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp”.

⁷ Điều 4 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 4. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động có nơi ở hiện tại tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15”.

2. Quyết định số 107/2026/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 Quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 107/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 107/2026/QĐ-UBND để quy định chi tiết việc thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao tại Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đối với quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang⁸; nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu

Quyết định số 107/2026/QĐ-UBND quy định chi tiết việc thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao tại Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP, gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Quy định thực hiện một số nội dung về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

(4) Điều 4: Điều khoản thi hành.

3. Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

⁸ Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP quy định:

" Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thực hiện các quy định liên quan đến địa bàn cấp huyện, liên huyện trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2; điểm c khoản 2 Điều 4; điểm b khoản 1 Điều 6; điểm a, điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 9; khoản 4 Điều 10 và sắp xếp, xử lý các đơn vị đã được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP".

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND để kịp thời sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Về đăng ký doanh nghiệp; nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật của tỉnh, tạo cơ sở pháp lý cho việc phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND gồm 03 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Trong đó, sửa đổi, bổ sung 06 Điều, khoản của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND, gồm: Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và khoản 1 Điều 12

(2) Điều 2: Bãi bỏ từ tại điểm a khoản 2 Điều 16 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

(3) Điều 3: Điều khoản thi hành.

4. Quyết định số 109/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới, tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, tiêu chí thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 – 2030

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 109/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 109/2026/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm a, điểm c, điểm đ khoản 3 Điều 3 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030⁹; đồng

⁹ Điểm a, điểm c, điểm đ khoản 3 Điều 3 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg quy định:
“Điều 3. Tổ chức thực hiện

thời, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại, thôn nông thôn mới.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 109/2026/QĐ-UBND ban hành tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại, thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 – 2030, gồm 04 Điều và 03 Phụ lục kèm theo, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới, tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, tiêu chí thôn nông thôn mới.

(3) Điều 3: Tổ chức thực hiện.

(4) Điều 4: Điều khoản thi hành.

Các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 109/2026/QĐ-UBND, gồm:

- Phụ lục I: Tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030.

- Phụ lục II: Tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 – 2030.

- Phụ lục III: Tiêu chí thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030.

5. Quyết định số 110/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 Quy định hỗ trợ đối với người dân phải di dời khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 110/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định số 110/2026/QĐ-UBND để thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được

...3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Căn cứ hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương liên quan đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể hóa việc áp dụng các nội dung tiêu chí phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm mức yêu cầu không thấp hơn mức chuẩn và hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương;

... c) Căn cứ điều kiện thực tế, đặc thù của địa phương, điểm b khoản 1 Điều 1 và khoản 4 Điều 2 Quyết định này, chủ động ban hành tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại và chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến khích thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại ở nơi có điều kiện;

... đ) Trường hợp cần thiết, căn cứ điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, ban hành tiêu chí thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (gọi chung là thôn) nông thôn mới, bảo đảm đồng bộ với Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng thôn nông thôn mới trên địa bàn;”.

sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15¹⁰ và khoản 1 Điều 19 Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 200/2025/NĐ-CP, Nghị định số 53/2026/NĐ-CP¹¹; đồng thời, nhằm tạo cơ sở pháp lý thực hiện việc hỗ trợ bằng tiền để bảo đảm điều kiện thiết yếu cho người dân trong thời gian thực hiện di dời khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 110/2026/QĐ-UBND quy định hỗ trợ đối với người dân phải di dời khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh, gồm 05 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Hỗ trợ đối với người dân phải di dời khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai.

(4) Điều 4: Tổ chức thực hiện.

(5) Điều 5: Điều khoản thi hành.

6. Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 Quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND để thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 8 Điều 69 Luật Điện lực số 61/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15¹² và điểm b, d khoản 5 Điều 51

¹⁰ Điểm a khoản 12 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15 quy định:

“Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp

...12. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Hội đồng nhân dân giao. Quyết định một số chế độ chi ngân sách cấp bách phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất;”

¹¹ Khoản 1 Điều 19 Nghị định 66/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 200/2025/NĐ-CP, Nghị định số 53/2026/NĐ-CP quy định: “Căn cứ quyết định tình huống khẩn cấp về thiên tai tại Điều 12 Nghị định này, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp triển khai hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư, đảm bảo kịp thời, an toàn tính mạng cho người dân”.

¹² Khoản 8 Điều 69 Luật Điện lực số 61/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 quy định:

“Điều 69. Quy định chung về an toàn điện

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn; tổ chức kiểm tra an toàn trong sử dụng điện theo quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có

Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực¹³; nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc vận hành, bảo trì, sử dụng nhằm bảo vệ tính mạng con người, giảm thiểu thiệt hại về tài sản, phòng ngừa tai nạn do nguồn điện gây ra, đảm bảo an toàn trong sản xuất, nâng cao năng suất lao động, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND quy định cơ chế phối hợp và các biện pháp tổ chức thực hiện thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý an toàn sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; việc tiếp nhận, trao đổi thông tin, phối hợp rà soát, cảnh báo và xử lý nguy cơ mất an toàn điện, gồm 04 Chương, 15 Điều, cụ thể như sau:

- **Chương I – Quy định chung**, gồm 03 Điều (từ Điều 1 đến Điều 3), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc phối hợp.

- **Chương II – Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị**, gồm 07 Điều (từ Điều 4 đến Điều 10), quy định về: (1) Trách nhiệm phối hợp của Sở Công Thương; (2) Trách nhiệm phối hợp của Công an tỉnh; (3) Trách nhiệm phối hợp của Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành; (4) Trách nhiệm phối hợp của Ủy ban nhân dân cấp xã; (5) Trách nhiệm phối hợp của đơn vị điện lực; (6) Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn khách hàng sử dụng điện; (7) Phối hợp rà soát nguy cơ mất an toàn đối với dây dẫn, thiết bị điện phía sau điểm đo đếm.

- **Chương III – Phối hợp rà soát, xử lý nguy cơ mất an toàn điện**, gồm 03 Điều (từ Điều 11 đến Điều 13), quy định về: (1) Tiếp nhận, trao đổi thông tin và phối hợp xử lý; (2) Thông tin, dữ liệu và báo cáo; (3) Phối hợp quản lý an toàn lưới điện nông thôn tại khu vực vùng sâu, vùng xa.

- **Chương IV – Tổ chức thực hiện**, gồm 02 Điều (Điều 14 và Điều 15), quy định về: (1) Tổ chức thực hiện; (2) Điều khoản thi hành.

7. Quyết định số 112/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2026 Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

liên quan; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, nâng cao nhận thức cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng điện”

¹³ Điểm b, d khoản 5 Điều 51 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 51. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm

...b) Xây dựng và ban hành quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện; tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện”

...d) Xây dựng và ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân có nhà ở, công trình thuộc trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 16 Nghị định này;”.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 112/2026/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP: "*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương theo phân công tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về giá tại địa phương (nếu có)*"; đồng thời, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc xác định danh mục và đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 112/2026/QĐ-UBND quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh, gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Danh mục và đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá.

(3) Điều 3: Điều khoản thi hành.

Ban hành kèm theo Quyết định số 112/2026/QĐ-UBND Phụ lục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá.

8. Quyết định số 113/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2026 Quy định việc bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư; việc bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi; biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 113/2026/QĐ-UBND có hiệu lực từ ngày 26 tháng 8 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 113/2026/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 4, điểm c khoản 9, khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành

Luật Đất đai¹⁴; đồng thời, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư; việc bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi; biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 113/2026/QĐ-UBND quy định việc bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư; việc bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi; biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh, gồm 08 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Việc bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư đối với trường hợp quyết định thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư.

(4) Điều 4: Việc tổ chức thực hiện bố trí tái định cư trong trường hợp địa điểm bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi.

(5) Điều 5: Biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

(6) Điều 6: Hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai.

(7) Điều 7: Điều khoản thi hành.

(8) Điều 8: Quy định chuyển tiếp.

9. Quyết định số 114/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 Phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị

¹⁴ Khoản 4, điểm c khoản 9, khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định:

“Điều 3. Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

...4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư đối với trường hợp quyết định thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư.

...9. Trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được quy định trong Luật Đất đai, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và quy định sau đây:

...c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc tổ chức thực hiện bố trí tái định cư trong trường hợp địa điểm bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi.

...12. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể”.

dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 114/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 114/2026/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 27, khoản 5 Điều 28, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia¹⁵; đồng thời, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 114/2026/QĐ-UBND quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, gồm 06 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

¹⁵ Khoản 2 Điều 27, khoản 5 Điều 28, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 27. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án liên kết

...2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án theo từng ngành, nghề, lĩnh vực tại địa phương.

Điều 28. Quy trình lựa chọn dự án liên kết

...5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị tại địa phương.

Điều 31. Mẫu hồ sơ đề xuất dự án phát triển sản xuất của cộng đồng

... 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án theo từng ngành, nghề, lĩnh vực tại địa phương”.

(3) **Điều 3:** Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

(4) **Điều 4:** Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất của cộng đồng.

(5) **Điều 5:** Tổ chức thực hiện.

(6) **Điều 6:** Điều khoản thi hành.

10. Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2026 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

+ Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ số thứ tự 30 Mục II, số thứ tự 108 Mục XI Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND để thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 3, khoản 5 Điều 33 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam¹⁶; nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý và sử dụng viện trợ không

¹⁶ Khoản 3 Điều 3, khoản 5 Điều 33 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

... 3. Cơ quan chủ quản bao gồm:

a) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị và các cơ quan trực thuộc; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; cơ quan trực thuộc Quốc hội; Kiểm toán nhà nước; Văn phòng Chủ tịch nước; bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban nhân dân tỉnh,

hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam. Đồng thời, kịp thời xử lý Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND và Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND do không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tổ chức bộ máy nhà nước sau sắp xếp.

c) Nội dung chủ yếu:

- Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND, gồm 02 Điều:

(1) Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Điều 2: Điều khoản thi hành.

- Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND gồm 03 chương, 09 Điều, cụ thể như sau:

+ **Chương I – Quy định chung**, gồm 02 Điều (Điều 1 và Điều 2), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; (2) Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ.

+ **Chương II – Quy định cụ thể**, gồm 06 Điều (từ Điều 3 đến Điều 8), quy định về: (1) Lập hồ sơ khoản viện trợ; (2) Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; (3) Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án trong quá trình thực hiện; (4) Quản lý thực hiện viện trợ; (5) Quản lý tài chính viện trợ; (6) Quản lý tài sản viện trợ.

+ **Chương III – Tổ chức thực hiện**, gồm 01 Điều (Điều 9) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị.

III. QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Quyết định số 10/2026/QĐ-CTUBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định số 10/2026/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau đây:

thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); cơ quan trung ương của các Hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương.

...Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản:

...5. Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ trong nội bộ cơ quan trên cơ sở quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan”.

- Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động tỉnh Hà Giang.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định số 10/2026/QĐ-CTUBND để thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 94, khoản 1 Điều 95, điểm a, b khoản 2 Điều 97 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, Nghị định số 10/2024/NĐ-CP¹⁷ và khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ¹⁸; đồng thời, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

¹⁷ Điểm d, đ khoản 1 Điều 94, khoản 1 Điều 95, điểm a, b khoản 2 Điều 97 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, Nghị định số 10/2024/NĐ-CP quy định:

“Điều 94. Miễn nhiệm hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

...d) Có 02 năm bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ theo quy chế quản lý hòa giải viên lao động;

đ) Từ chối nhiệm vụ hòa giải từ 02 lần trở lên khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động hoặc tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề mà không có lý do chính đáng theo quy định tại quy chế quản lý hòa giải viên lao động.

Điều 95. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động

1. Việc cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ hòa giải do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo phân cấp trong quy chế quản lý hòa giải viên lao động.

Điều 97. Quản lý hòa giải viên lao động

....2. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:**

a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm và quản lý hoạt động của hòa giải viên lao động trên địa bàn cấp tỉnh.

Đối với những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiều doanh nghiệp, lao động, phát sinh nhiều tranh chấp lao động có thể xem xét, bổ nhiệm một số hòa giải viên lao động chuyên trách thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Hòa giải viên lao động chuyên trách có nhiệm vụ tham gia giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động và giúp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý công tác hòa giải lao động trên địa bàn. Tiêu chuẩn tuyển chọn, bổ nhiệm, nhiệm vụ của hòa giải viên lao động chuyên trách thực hiện theo quy chế quản lý hòa giải viên lao động;

b) Ban hành quy chế quản lý hòa giải viên lao động, phân cấp quản lý hòa giải viên lao động thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội”.

¹⁸ Khoản 1 Điều 75 và khoản 1 Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 75. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động

1. Sở Nội vụ hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc cử hòa giải viên lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

...Điều 76. **Quản lý hòa giải viên lao động**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế quản lý hòa giải viên lao động thuộc Sở Nội vụ và cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.”

c) Nội dung chủ yếu:

- Quyết định số 10/2026/QĐ-CTUBND gồm 02 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Điều 2: Điều khoản thi hành

- Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-CTUBND gồm 11 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Phân cấp thẩm quyền quản lý hoà giải viên lao động.

(3) Điều 3: Phân cấp thẩm quyền cử hoà giải viên lao động.

(4) Điều 4: Đảm bảo chế độ, điều kiện hoạt động của hoà giải viên lao động.

(5) Điều 5: Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hoà giải viên lao động.

(6) Điều 6: Tiêu chí đánh giá hoà giải viên lao động hoàn thành nhiệm vụ.

(7) Điều 7: Tiêu chí đánh giá hoà giải viên lao động không hoàn thành nhiệm vụ.

(8) Điều 8: Quy trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hoà giải viên lao động.

(9) Điều 9: Chế độ thông tin, báo cáo.

(10) Điều 10: Tổ chức thực hiện.

(11) Điều 11: Điều khoản thi hành.

(Nội dung chi tiết của văn bản được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, địa chỉ: <https://vbpl.vn/tuyenquang/Pages/home.aspx>).